

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 29-12-2022
V/v: Ly hôn giữa chị B và anh Q

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐ-PT ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị B - Sinh năm 1997

ĐKHKTT: Xóm 6 - xã HP - huyện HH - tỉnh NB

Nơi ở hiện nay: Xóm ĐC - xã HĐ - huyện HH - tỉnh NB

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị B tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Đoàn Thị L(mẹ đẻ chị B), sinh năm 1977

Nơi thường trú: Xóm ĐC - xã HĐ - huyện HH - tỉnh NB

+ **Bị đơn:** Anh Trần Văn Q - Sinh năm 1989

Nơi thường trú: Xóm 6 - xã HP - huyện HH - tỉnh ND

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Trần Văn Q tại phiên tòa phúc thẩm:* Luật sư Nguyễn Thị S – Công ty Luật TNHH Vũ Trình - Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

+ **Người kháng cáo:** Bị đơn anh Trần Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01-12-2016 tại UBND xã Hải Phương - huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, mặc dù đã có con chung nhưng do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng thường xích mích, va chạm trong sinh hoạt hàng ngày. Do trước khi kết hôn với chị B, anh Q đã bị tai nạn giao thông, hàng tháng vẫn phải dùng thuốc điều trị nên tính tình thất thường, giao tiếp giữa vợ chồng cũng hạn chế. Từ khi sinh con, do con chung thường xuyên ốm đau, bệnh tật, kinh tế vợ chồng vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn, chị B nuôi con nhỏ không làm ra tiền nên không được anh Q tôn trọng. Tháng 2/2020, chị B Q định đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trước khi đi, vợ chồng không bàn bạc, mọi chi phí phát sinh chị B đều phải nhờ bố mẹ để giúp đỡ. Trong thời gian lao động, do ảnh hưởng chung của dịch Covid nên thu nhập chỉ đủ gửi về trả nợ cho bố mẹ để chị B và nuôi con. Tháng 6/2022, chị B chấm dứt Hợp đồng lao động. Ngay từ khi chị B về nước, anh Q và gia đình chỉ tập trung hỏi về tiền bạc, kinh tế chị B làm ra trong thời gian lao động nước ngoài. Vì vậy, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm lạnh nhạt, chị B ở cùng bố mẹ đẻ tại Hải Đông, anh Q ở cùng bố đẻ tại Hải Phương, chị B và anh Q ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể sống chung nên chị B đề nghị ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị B, anh Q có 01 con chung là cháu Trần Quang S, sinh ngày 09-11-2017, hiện đang do anh Q nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do anh Q không được khỏe mạnh, nhanh nhẹn, thuộc diện khuyết tật hiện đang hưởng trợ cấp xã

hội; mẹ đẻ anh Q bị bệnh đã chết; anh Q hiện đang ở cùng bố đẻ là người cao tuổi nên không đảm bảo các điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chung. Trong khi đó, chị B hiện có đủ sức khỏe, có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con. Vì vậy, chị B nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

+ Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn là anh Trần Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị B về thời gian, địa điểm kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh Q là do thời gian gần đây, chị B tính tình thay đổi, không còn yêu thương, tôn trọng anh Q; cư xử không khéo léo với gia đình anh Q. Ngoài ra, chị B có nhiều biểu hiện không chung thủy. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay chị B yêu cầu ly hôn, mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì đạo công giáo không cho phép người có đạo được ly hôn nên anh Q không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh Q xác nhận vợ chồng có một con chung như chị B đã trình bày. Khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung với các lý do: Anh Q là người ở cùng, trực tiếp chăm sóc cho con chung từ nhỏ. Trong suốt thời gian chị B đi lao động nước ngoài, bản thân anh Q vẫn đảm đương, nuôi dạy con phát triển hoàn toàn khỏe mạnh. Bên cạnh đó, chị B có nhiều biểu hiện không chung thủy nên không đủ tư cách để nuôi dạy con chung. Hơn nữa, mặc dù đang hưởng trợ cấp xã hội nhưng anh Q có công việc ổn định, đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nếu được giao nuôi dưỡng con chung, anh Q không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 177/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu - tỉnh Nam Định, đã Q định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Quang S, sinh ngày 09-11-2017 cho chị B nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị B. Chị B, anh Q có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Hiện cháu Sang đang do anh Q nuôi dưỡng nên anh Q có nghĩa vụ giao cháu Sang cho chị B theo Q định của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 22/9/2022, bị đơn anh Trần Văn Q có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với Q định của bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng giao quyền nuôi con chung cho anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự trong vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải Q vụ án.

- Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày, tranh luận về nội dung kháng cáo như sau:

Không nhất trí với Q định của cấp sơ thẩm về việc giao con chung cho chị Vũ Thị B nuôi dưỡng vì các lý do:

Khi con chung Trần Quang S mới được 27 tháng tuổi, rất hay ốm đau, dù không được sự đồng tình của anh Q, chị B vẫn cứ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và để cháu Sang ở lại Việt Nam cho anh Q và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình cháu Sang ở với anh Q, chị B ở nước ngoài không quan tâm, ít thăm hỏi gọi điện liên lạc với anh Q và cháu Sang. Hiện nay anh Q có nghề sửa chữa xe máy, xe đạp điện ổn định từ khi chưa lấy chị B, thu nhập hàng tháng từ 9 đến 10 triệu đồng. Anh Q có nơi ở ổn định riêng biệt, rộng rãi. Còn chị B làm công nhân, thu nhập không ổn định, không có chỗ ở độc lập mà đang sống chung cùng gia đình nhà ngoại gồm bố mẹ đẻ và 2 em. Cháu Sang đang học tập ổn định tại trường mầm non xã Hải Phương, gần nơi anh Q và cháu Sang sinh sống. Nếu giao con cho chị B thì cháu Sang phải thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của cháu Sang. Anh Q đã chăm sóc nuôi dưỡng cháu Sang từ bé, hiện cháu Sang đang ở ổn định cùng anh Q, điều kiện và môi trường sống của anh Q hơn chị B. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của

anh Q, sửa bản án sơ thẩm, giao anh Q được quyền nuôi cháu Trần Quang S và anh Q không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị B trình ý kiến tranh luận về kháng cáo của bị đơn như sau: Không nhất trí với kháng cáo của anh Q vì khi cháu Sang được sinh ra năm 2017 thì vợ chồng anh Q và chị B về ở cùng gia đình nhà ngoại, đến tháng 9-2019 vợ chồng anh Q và chị B về ở cùng bố đẻ anh Q ở xã Hải Phương. Đến tháng 2-2020 chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, bà Lan (mẹ đẻ chị B) đã sang xin phép bố đẻ anh Q cho đưa cháu Sang về bên ngoại sinh sống. Năm 2021 anh Q đón cháu Sang về Hải Phương để cháu Sang đi học trường mầm non gần nhà. Tháng 6-2022 chị B về Việt Nam, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị B về nhà ngoại sinh sống, cháu Sang ở cùng anh Q. Chị B để con nhỏ ở Việt Nam để đi lao động xuất khẩu ở Đài Loan vì lý do kinh tế. Hiện chị B làm công nhân tại Công ty may Hải Hà, có thu nhập từ 7 triệu đến 8 triệu/1 tháng. Hàng ngày chị B đi làm tại Công ty từ 7h sáng đến 7h tối, trưa chị B không về nhà. Chị B có điều kiện chăm sóc con chung tốt hơn anh Q, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao quyền nuôi con chung cho chị B như Q định của cấp sơ thẩm.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải Q vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q có 01 con chung là cháu Trần Quang S, sinh ngày 09-11-2017. Khi ly hôn, chị B và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, nhận thấy khi con chung là cháu Trần Quang S mới được 27 tháng tuổi thì chị B đã đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, để cháu Sang ở nhà cho anh Q chăm sóc nuôi dưỡng. Năm 2022 khi chị B về Việt Nam, chị B lại về nhà bố mẹ đẻ ở, cháu Sang vẫn ở cùng anh Q, được anh Q chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện cháu Sang đang đi học tại trường mầm non xã Hải Phương. Căn cứ vào tinh thần án lệ số 54/2022/AL của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao, thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Quang S cho anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh Trần Văn Q, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, giao cháu Trần Quang S cho anh Trần Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn Q làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Văn Q:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải Q vụ án, cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, bảo đảm được quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự trong vụ án.

+ Về nội dung: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Phương - huyện Hải Hậu vào năm 2016, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Tòa án sơ thẩm đã xử ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q có 01 con chung là cháu Trần Quang S, sinh ngày 09-11-2017. Hiện tại cháu Trần Quang S đang sinh sống cùng anh Trần Văn Q.

Nhận thấy, anh chị B - Q kết hôn năm 2016 và sinh cháu Trần Quang S vào ngày 09-11-2017; Đến tháng 02-2020, chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, cháu Sang được anh Q cùng gia đình nội - ngoại chăm sóc nuôi dưỡng. Từ năm 2021 đến nay thì cháu Sang do một mình anh Q chăm sóc nuôi dưỡng trong suốt quá trình chị B ở nước ngoài. Tháng 6-2022, khi chị B hết hạn hợp đồng lao động về nước sinh sống, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị B đã sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải Đông; con chung là cháu Sang vẫn ở cùng và được anh Q chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay.

Hiện nay, anh Q có cửa hàng sửa chữa xe máy, có thời gian tự chủ và độc lập; chị B làm công nhân tại Công ty may thời gian làm việc từ 7h sáng đến 19h tối; cả hai anh chị đều có nguồn thu nhập ổn định; chị B hiện đang về nhà bố mẹ đẻ ở và sống chung cùng bố mẹ đẻ và 02 em ruột; anh Q vẫn có nơi ở ổn định riêng biệt từ khi kết hôn; cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu Trần Quang S từ khi sinh ra cho đến nay vẫn luôn được anh Q chăm sóc nuôi dưỡng thường xuyên, cháu Sang đang học mẫu giáo tại trường mầm non của xã Hải Phương - gần nơi cháu đang sinh sống cùng anh Q. Khi cháu Sang mới có 27 tháng tuổi còn rất nhỏ, mặc dù không được sự đồng tình của anh Q nhưng chị B vẫn để cháu Sang cho anh Q và gia đình nội - ngoại chăm sóc nuôi dưỡng, còn chị đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, năm 2022 chị B về Việt Nam, do vợ chồng mâu thuẫn, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, cháu Sang vẫn ở cùng anh Q và do anh Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Như vậy, từ khi sinh ra cho đến nay, cháu Sang luôn được anh Q nuôi dưỡng chăm sóc thường xuyên. Hiện anh Q có thu nhập và nơi ở ổn định riêng biệt, bảo đảm được điều kiện nuôi dưỡng con chung, nên để tạo điều kiện thuận lợi cho cháu Sang được nuôi dưỡng chăm sóc học tập ổn định thì vận dụng tinh thần án lệ số 54 của HĐTP TAND tối cao, thấy cần giao cháu Trần Quang S cho anh Trần Văn Q nuôi dưỡng là có căn cứ pháp lý - phù hợp thực tế, bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên theo quy định của Luật trẻ em và Luật hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn Q không yêu cầu chị Vũ Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Kháng cáo của anh Trần Văn Q có căn cứ pháp lý nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Trần Văn Q được chấp nhận nên anh Q không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn Q; sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2.1. Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị B và anh Trần Văn Q.

2.2. Về con chung: Giao anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Quang S, sinh ngày 09-11-2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn Q không yêu cầu chị Vũ Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị Vũ Thị B có quyền - nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Q.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Văn Q không phải nộp, anh Q được hoàn trả lại 300.000 đồng - là số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh Q đã nộp tại biên lai số 0006287 ngày 22-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

4. Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh NB
- TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Vũ Thị Mai Hương